

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 20- 12- 2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Phụng.
2. Ông Nguyễn Văn Lực.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hồng Pha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Số 512 ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 512 ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, chị Huỳnh Thị Ngọc H trình bày là chị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 lười lao động, thường uống rượu và sau khi uống rượu thì kiếm chuyện chửi chị H, có lần đưa tiền chị H nuôi con nhưng sau đó anh H1 đòi lại 4.000.000 đồng, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và xa nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với anh H1, nên chị H yêu cầu được ly hôn anh H1. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 01 con

chung tên là Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 10/11/2013 hiện chị H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Chị H và anh H1 không có tài sản. Về nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn H1 thống nhất với lời trình bày của chị Huỳnh Thị Ngọc H về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng xa nhau. Tuy nhiên anh H1 cho rằng anh H1 vẫn lo làm việc để có tiền nuôi vợ con, anh H1 thừa nhận có uống rượu nhưng không có chửi chị H, có lần anh H1 nói chị H đưa lại cho anh H1 2.000.000 đồng là do trong thời gian vợ chồng sống chung chị H thường nhắn tin với người khác nhưng giấu không để anh H1 thấy nội dung tin nhắn và khi vợ chồng xa nhau chị H tổ chức sinh nhật cho con cũng không cho anh H1 biết, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Do còn thương vợ, nên anh H1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về nuôi con chung: Anh H1 thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 10/11/2013 như chị H trình bày, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh H1 đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con và anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về chia tài sản: Chị H và anh H1 không có tài sản. Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc chị Huỳnh Thị Ngọc H ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H1 là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh H1 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H1 cư trú tại ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Việc chị Huỳnh Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 14/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Khoảng hơn 04 năm chung sống, tuy có những bất hòa trong cuộc sống nhưng chị H và anh H1 vẫn sống chung, sau đó chỉ vì vợ chồng thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống; ít quan tâm, chăm sóc, chia sẻ công việc của gia đình đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và xa nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh H1 không đồng ý

ly hôn theo yêu cầu của chị H mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau lo cho con chung. Xét thấy anh H1 không có hành vi bạo lực gia đình hay vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân giữa chị H và anh H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy việc chị H yêu cầu ly hôn anh H1 là chưa có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận, mà căn cứ yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc H là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Do bác yêu cầu ly hôn của chị H nên Tòa án không xem xét giải quyết về nuôi con chung, về chia tài sản giữa chị H và anh H1.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc H.
2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 02027 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Chị H đã nộp đủ án phí.
3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã B;
- Các đ/s; Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thuý Hằng**